

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023.
V/v Tranh chấp ly hôn và quyền
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Thạch Thanh Long.

2/. Ông Nguyễn Thành Công.

Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2023/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 359/2023/QĐ-HPT, ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lữ Bích H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn M, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Lữ Bích H trình bày: Chị với anh M kết hôn là do hai bên tự tìm hiểu quen biết, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, công việc làm ăn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên

vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay,

Về con chung: có một người tên Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 27/8/2014, hiện đang sống với chị;

Về tài sản chung: Nữ trang cưới là 10 chỉ vàng 24 kra: gồm đôi bông tai 01 chỉ vàng 24 kra, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24 kra, 01 lắc đeo tay 04 chỉ vàng 24 kra, số nữ trang này đã bán hết, hiện không còn. Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác;

Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay, về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh M về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết; Về số nợ phải thu, phải chi: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu gì.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án do anh Nguyễn Tấn M là bị đơn, vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, các đương sự không bổ sung cung cấp chứng cứ gì mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Nguyễn Tấn M chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Bích H. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lữ Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M. *Về con chung:* chị Lữ Bích H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 27/8/2014. *Về tài sản chung, về nợ chung:* chị H không yêu cầu, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị còn đề nghị buộc đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lữ Bích H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tấn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh M xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào 05/3/2014 theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị Lữ Bích H và anh Nguyễn Tấn M là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị H cho rằng vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 2020. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, làm cho vợ chồng sống không hạnh phúc mà không thể khắc phục. Đến đầu năm 2021, thì hai vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình trốn tránh, không cung cấp lời khai nên Tòa án không lấy được lời khai. Xác minh chính quyền địa phương và một số người dân sống cùng địa phương thì họ cho rằng: Mâu thuẫn giữa chị H và anh M không có nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng họ đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tấn M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh M không có đến tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và phiên hòa giải và cố tình trốn tránh nên Tòa án không lấy được lời khai.

Xét thấy, anh Chị H và anh M đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay và trong thời gian chung sống với nhau từ năm 2020, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống (theo lời trình bày của chị H cũng như xác minh chính quyền địa phương). Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị H xác định không còn tình cảm gì với anh M và cương quyết ly hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được*”. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lữ Bích H. Cho chị Lữ Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M.

[3.3] **Về con chung:** Có một người tên Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 27/8/2014, hiện đang sống với chị H, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên vọng của cháu Nhi mong muốn được sống chung với chị H. Xét thấy, từ khi chị H và anh M ly thân đến nay cháu N vẫn sống với chị H được chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Hơn nữa về điều kiện kinh tế, hiện nay chị H đang mở tiệm tóc nên cũng có thu nhập ổn định. Cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.4] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị H chưa đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] **Về tài sản chung:** Chị H, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.6] **Về nợ chung phải thu, phải trả:** Chị H xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.7] **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều Điều 19, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Bích H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lữ Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M

- *Về con chung:* Chị Lữ Bích H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 27/8/2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Lữ Bích H chưa đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung: phải thu, phải trả:* Không có, nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Lữ Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012913 ngày 17/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, Chị Lữ Bích H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Tấn M không phải chịu án phí.

2. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Sa Rên